TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI** Bản án số:23/2026/DS-ST Ngày 17 – 04 – 2026 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Hanh
Ông Phạm Văn Khuyến
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/DSST ngày 10 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST– DS ngày 27 tháng 03 năm 2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: : Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1960
Bà Trần Thị T, sinh năm 1966
Địa chỉ: Đường Đ, khu dân cư T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.
- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Anh V, sinh năm 1965. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lưu Sơn T1, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Khoảng thời gian vào năm 2008 và 2009 ông Q, bà T cho cho bà Y vay 04 lần tiền. Cụ thể: Ngày 10/4/2008 vay 2.000.000 đồng hẹn 2 ngày sau trả tiền; ngày 24/8/2008 vay 10.000.000 đồng, hẹn đến ngày 28/8/2008 trả tiền; ngày 05/12/2008 vay 35.000.000 đồng hẹn 01 tháng sau trả; ngày 16/9/2009 vay 55.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả. Tổng số tiền vay là 102.000.000 đồng, khi vay thì bà Y đều ký tên vào giấy vay tiền. Đến hạn trả tiền bà Y không trả nợ. Ngày 12/10/2025 tại nhà bà Y, ông T1 đã viết giấy xác nhận bà Y trả cho ông Q bà T số tiền 10.000.000 đồng và yêu cầu được xóa nợ. Tuy nhiên, ông Q, bà T không đồng ý mà yêu cầu bà Y và ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Q bà T số tiền còn nợ là 92 triệu đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Bà thừa nhận có vay của ông Q, bà T bà Y tổng số tiền 102.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 10/4/2008 vay 2.000.000 đồng; ngày 24/8/2008 vay 10.000.000 đồng,; ngày 05/12/2008 vay 35.000.000 đồng; ngày 16/9/2009 vay 55.000.000 đồng. Mục đích vay là dùng vào việc đánh bài. Những lần vay này đều là đánh bài cùng vợ chồng ông Q tại nhà của ông Q, ông Q bà T cho vay tiền đánh bài và sau mỗi ngày thua bài thì viết giấy nợ cho ông Q bà T. Việc vay tiền này ông Lưu Sơn T1 không biết và không liên quan đến số tiền vay. Đến năm 2017 thì bà với ông T1 đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Ngày 12/10/2025 ông Lưu Sơn T1 viết giùm bà giấy trả nợ cho ông Q, bà T số tiền 10.000.000 đồng, ông Q, bà T đồng ý xóa nợ cho bà. Nay ông Q, bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 92.000.000 đồng thì bà Y đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Sơn T1 trình bày:

Ông với bà Y trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn năm 2017. Thời điểm bà Y vay tiền vợ chồng ông Q bà T là trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà Y. Tuy nhiên ông không biết và không liên quan đến giao dịch cũng như số tiền vay trên. Đến ngày 12/10/2025 ông Q bà T đến đòi nợ bà Y ông mới biết. Bà Y vay tiền trên dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân của bà Y (để đánh bài), không dùng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình. Thời điểm vay ông đang đi làm ở M, Hà Nội. Ngày 12/10/2025 con trai ông là Lưu Sơn H đã cho bà Y 10.000.000 đồng trả tiền cho ông Q, bà T. Do bà Y bị bệnh tinh thần không được ổn định nên ông có viết dùm bà Y giấy trả nợ ngày 12/10/2025.

Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu buộc ông liên đới cùng bà Y trả tiền cho ông Q, bà T số nợ 92 triệu thì ông không đồng ý.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[1.2]. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại T, xã P, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Các đương sự thừa nhận vào thời điểm năm 2008 và 2009, bà Y nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông bà Thủy Q1. Tổng số nợ 102 triệu đồng và bà Y đã vi phạm thời hạn trả nợ. Ngày 12/10/2025 bà Y đã trả 10 triệu đồng. Số nợ còn lại 92 triệu đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Xét thấy giao dịch được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Hoàng Văn Q; bà Trần Thị T là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật dân sự.

[2.3]. Tài liệu, chứng cứ là "Giấy mượn tiền" và lời khai của các đương sự tại Tòa án được xem là chứng cứ để xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Sơn T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn bà Y phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 92 triệu cho nguyên đơn. Xét thấy, mặc dù giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Y và ông T1 nhưng ông T1 không thừa nhận và thực tế ông T1 không tham gia giao dịch. Tất cả cac giấy vay tiền không có xác nhận của ông T1. Trong khi bà T và ông Q lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền trên bà Y đã sử dụng chung trong gia đình hoặc dùng phát triển kinh tế của gia đình hay ông T1 biết giao dịch giữa bà Y và ông Q. Trong khi ông bà Y và ông T1 đều không thừa nhận số tiền bà Y vay là dùng vào việc chung của gia đình hoặc dùng vào việc phát triển chung kinh tế của gia đình. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Y phải có nghĩa vụ trả nợ 92 triệu đồng cho nguyên đơn.

[2.5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung của vụ án là có cơ sở nên cần được ghi nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Hải Y có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn Q và bà Trần Thị T số tiền là 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lưu Sơn T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hải Y trả nợ cho nguyên đơn số tiền 92 triệu đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND khu vực 11 – Đồng Nai;*
- *THADS tỉnh Đồng Nai;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tịnh